TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2022/DS-PT
Ngày: 21-6-2022
Về việc: "Tranh chấp đất đai nhà thờ họ"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Thẩm phán: Nguyễn Thị Bích Đào- Ông Bùi Đình Thông

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc: "Tranh chấp đất đai nhà thờ họ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐPT-DS ngày 04/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn Th, sinh ngày: 10/7/1973; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Trương Văn M, sinh ngày: 21/10/1957; địa chỉ: Số nhà 08, ngõ 128, đường Trần Cảnh B, phường Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Hưu trí (có mặt);

- Ông Trương Văn L, sinh ngày: 10/10/1971; địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Hưu trí (có mặt);

Bị đơn: Ông Trương Văn L - Sinh ngày: 15/6/1957; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trương Văn H - sinh năm: 1961; Trú tại: Thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt);

- Ông Trương Văn H - sinh năm: 1964; Trú tại: Thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt);

- Ông Trương Bá H - sinh năm: 1952; Trú tại: Thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt);

- Ông Trương Minh H - sinh năm: 1969

Trú tại: Số 24, ngõ 330, đường V, thành phố H, tỉnh Hà (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2020 cũng như quá trình xét xử, nguyên đơn (anh Trương Văn Th) và người đại diện theo ủy quyền (ông Trương Văn M, ông Trương Văn L) trình bày: Chi họ Trương V ở thôn N, xã H làm nhà thờ năm 2002 xây bằng gạch, trên diện tích đất khoảng 100m^2 tại thửa số 116, tờ bản đồ số 14, bản đồ 371 (thửa đất số 95, tờ bản đồ số 6, bản đồ 299). Nguồn gốc thửa đất do ông Trương Văn H là tộc trưởng (Đã chết) quản lý và kê khai trong hồ sơ 299 và 371. Khi đo đạc bản đồ địa chính năm 2012 khuôn viên đất nhà thờ đã được tách riêng thành một thửa nhưng chi họ chưa làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2019, ông Trương Văn L là em trai ông Trương Văn H đã tự ý xây dựng trái phép ngôi nhà phía sau nhà thờ họ, diện tích khoảng 45m^2. Phần diện tích đất này chi họ Trương V dự định xây dựng công trình nhà hậu cần để phục vụ việc cúng tế trên nhà thờ và chỗ sinh hoạt cho con cháu, do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết buộc ông Trương Văn L tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, trả lại toàn bộ diện tích đất cho chi họ Trương Văn tu bổ các công trình liên quan đến nhà thờ họ nhánh, nhằm mục đích sử dụng chung cho cả chi họ.

Tại bản tự khai ngày 01/4/2021 và trong quá trình xét xử, bị đơn (ông Trương Văn L) và người đại diện theo ủy quyền (ông Nguyễn Hữu L) trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp của ông bà nội để lại từ năm 1940, năm 1968 ông nội mất, năm 1971 bà nội mất, từ đó thửa đất do cha mẹ và bảy anh em ông L sinh sống, đến năm 1985 ông Trương Văn H là anh trai cả làm nhà ở về phía tây khoảng một nửa diện tích đất, còn lại khoảng một nửa đất do cha mẹ và anh em ông L sinh sống, năm 1988 cha ông L chết, mẹ và anh em ông L tiếp tục sinh sống. Năm 2002 các chú trong họ nhánh đến xin mẹ ông L một phần đất để làm nhà thờ, mẹ ông L đồng ý bằng miệng cho khoảng 50m^2 đất và từ năm 2002 họ nhánh mới có nhà thờ. Đến năm 2007 mẹ ông Luân chết, số diện tích đất trước đây bố mẹ ở, anh em ông L làm nhà thờ để thờ ông bà cha mẹ, các bác, các anh, còn phía sau anh em ông L làm nhà nấu ăn để phục vụ cho những ngày giỗ tết. Hiện nay ông L không đồng ý trả đất cho chi họ theo yêu cầu của anh Trương Văn Th vì nguồn gốc đất là của ông bà, cha mẹ ông L để lại.

Tại các bản tự khai ngày 17/8/2021 ông Trương Văn L, ông Trương Văn H, ông Trương Văn H, ông Trương Bá H đều trình bày: Công trình xây dựng phía sau nhà thờ do các ông đóng góp kinh phí xây dựng trên phần đất do cha mẹ để lại, nếu chi họ có nguyện vọng xin dùng chung thì phải về nhà thờ bàn bạc thỏa thuận thống nhất, còn kinh phí các ông không yêu cầu chi họ đóng góp.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2021 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Trương Văn Th) trình bày: Nguồn gốc thửa đất do các cố ngày xưa để lại, sau khi lập gia đình bố anh Th có mua một thửa đất nơi

khác để ở, nhưng ông bà yêu cầu con trai trưởng phải ở đất hương hỏa để thờ cúng, thửa đất kia đổi lại cho ông bà. Tuy nhiên khi thủy sản Hà Tĩnh về canh tác thì đã đền bù thửa đất của cha đổi cho ông và ông nội đã lấy tiền đền bù, nên chính quyền đã cấp bìa và hồ sơ từ đầu cho cha Trương Văn H theo sự đồng ý của ông nội. Năm 2002 cha cho họ đất làm nhà thờ, khi ông bà mất, các chú xây dựng nhà thờ ông bà cũng trên diện tích đất của cha. Năm 2012 khi nhà nước tiến hành đo đạc lại đất thì cha đã tách phần đất phía sau nhà thờ cho chi, tuy nhiên không có văn bản ghi chép, chỉ là không còn thể hiện trên bìa, đến năm 2017 ông H đã sang tên cho anh Th. Năm 2020 các chú đã đập nhà nấu của nhà thờ ông bà và tiến hành xây lại nhà khác khi chưa có sự đồng ý của chủ đất và xây lên cả phần đất của chi họ. Vì vậy quan điểm của ông Thuýnh yêu cầu bị đơn ông Luân phải trả lại phần đất nói trên cho nguyên đơn.

Người liên quan UBND xã H và đại diện phòng Tài nguyên - Môi trường huyện L có quan điểm: Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ qua các thời kỳ và quá trình thực tế sử dụng đất, Nhà nước đã công nhận ông Trương Văn H là chủ sử dụng đất đối với thửa đất các bên tranh chấp. Hiện nay Nhà nước công nhận anh Trương Văn Th là chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, diện tích 489,2m^2. Đối với thửa số 42, tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, diện tích 101,4 m^2, ông Trương Văn H tách thửa để hiến tặng đất nhà thờ chi họ Trương V thôn N, xã H, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên đã được thể hiện vị trí trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện L cấp cho ông Trương Văn H và ông Trương Văn Th. Thực tiễn trên địa bàn xã H và huyện L, chỉ mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các nhà thờ dòng họ đã được công nhận di tích lịch sử, văn hóa, đối với nhà thờ các dòng họ còn lại chưa có dòng họ nào làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên nhân chủ yếu đất nhà thờ thường sử dụng ổn định, ít xảy ra tranh chấp, không phát sinh các quyền của chủ sử dụng đất như thừa kế, chuyển nhượng, thế chấp vv nên người dân chưa làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nội dung tranh chấp trên đã được Tòa án nhân dân huyện L giải quyết tại bản bản án số 05/2021/DS-PT ngày 29/9/2021: Áp dụng khoản 2 Điều 690 BLDS 1995; khoản 2 Điều 207; Điều 211; Điều 457; Điều 459 BLDS 2015; Điều 160; khoản 1 Điều 166; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH và danh mục mức án phí, lệ phí toà án ban hành kèm theo, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn Th.

- Buộc ông Trương Văn L trả lại cho chi họ Trương V ở thôn N, xã H 55,5m^2 đất về phía Bắc thửa số 42, tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, thuộc địa phận N, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và bàn giao phần tài sản gắn liền với đất. Ranh giới là một đường thẳng, dài 12m; điểm đầu có tọa độ X 2034311.88; Y 539858.72; điểm cuối có tọa độ X 2034321.48; Y 539847.53 (Có

sơ đồ kèm theo).

- Buộc anh Trương Văn Th phải thanh toán trị giá tài sản gắn liền với đất cho ông Trương Văn L số tiền: 71.164.600đ (Bảy mốt triệu một trăm sáu tư nghìn sáu trăm đồng).

- Buộc anh Trương Văn Th và chi họ Trương V ở thôn N, xã H có nghĩa vụ tạo điều kiện thuận lợi cho anh em ông Trương Văn L tiếp tục thờ cúng Liệt sỹ Trương Văn H đến khi ông Trương Văn L tự nguyện di dời di ảnh và bằng Tổ quốc ghi công của Liệt sỹ Trương Văn H về vị trí thờ cúng phù hợp.

Ngoài ra, án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và lệ phí theo quy định.

Ngày 10/10/2021, ông Trương Văn L, Trương Bá H, Trương Văn H, ông Trương Minh H, Trương Văn H, Trương Minh H kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có quan điểm: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS bác kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-PT ngày 29/9/2021của TAND huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L là đúng quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về nguồn gốc, diện tích, vị trí sử dụng đất: Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 6, hồ sơ 299, diện tích 419m^2, loại đất thổ cư (T), thuộc địa phận thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh được ông Trương Văn H (đã chết), sử dụng liên tục. Sổ mục kê 299 thể hiện số thửa 95, tên chủ sử dụng đất là Hoàng, loại đất thổ cư (T), diện tích 419m^2; Sổ đăng ký ruộng đất 299 ngày 30/7/1986 thể hiện tên chủ sử dụng đất là Trương H, tuổi 38, N, H; số thửa 95, tờ bản đồ số 6, bản đồ 299, diện tích 419m^2; loại đất thổ cư (T). Theo hồ sơ 371: Sổ mục kê 371 và tại tờ bản đồ số 14, bản đồ 371 thể hiện số thửa 116, tên chủ sử dụng đất Trương Văn H, diện tích 492m^2, trong đó đất ở 200 m^2 và đất vườn 292 m^2. Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, số thứ tự 714, tên chủ sử dụng đất là Trương Văn H, diện tích 492m^2, trong đó đất ở 200 m^2 và đất vườn 292 m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Th cấp số P 515560, ngày 24/12/1997 cho ông Trương Văn H. Quá trình đo đạc bản đồ địa chính năm 2012, thửa đất đã được ông Trương Văn H tách thành thửa 40, tờ bản đồ số 38, diện tích 489,2m^2, chủ sử

dụng đất kê khai là Trương Văn H và thửa số 42, tờ bản đồ số 38, kê đất ở và đất trồng cây hàng năm, diện tích 101,4 m^2, trên phần diện tích thửa số 42, tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, có nhà thờ chi họ Trương V, thôn N, xã H, được làm trừ trước trên phần diện tích đất theo hồ sơ 299, 371 của ông Trương Văn H, Ông Trương Văn H đã làm thủ tục cấp đổi và đã được UBND huyện L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 051475, ngày 31/12/2013 mang tên Trương Văn H. Năm 2017, ông Trương Văn H đã tặng lại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 38, diện tích 489,2m2 cho con trai là Trương Văn Th và được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 266965, ngày 01/9/2017 cho anh Trương Văn Th, hiện tại trên phần đất này có nhà ở của anh Trương Văn Th và nhà thờ bố mẹ ông Trương Văn H, Trương Văn L. Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 051475 ngày 31/12/2013 do UBND huyện Lộc Hà cấp cho ông Trương Văn H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 266965 ngày 01/9/2017 do UBND huyện Lộc Hà cấp cho ông Trương Văn Th đều thể hiện phần sơ đồ thửa đất về phía Đông giáp nhà thờ họ. Các tên H, Trương Văn H trong các loại sổ sách nêu trên là ông Trương Văn H (nay đã chết), là cha của anh Trương Văn Th (nguyên đơn), anh trai của ông Trương Văn L (bị đơn).

[2.2] Xét về chủ sử dụng đất được nhà nước công nhận: Ông Trương Văn H (đã chết), được UBND huyện Th cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 515560, ngày 24/12/1997 và đã được UBND huyện L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 051475, ngày 31/12/2013 mang tên Trương Văn H Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 690 BLDS 1995, HĐXX xác định: Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 6, hồ sơ 299, diện tích 419m^2, loại đất thổ cư (T), (Bản đồ 371 thể hiện tại tờ bản đồ số 14, thửa số 116, diện tích 492m^2 bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 thể hiện tại các thửa 40, tờ bản đồ số 38, diện tích 489,2m^2 và thửa số 42, tờ bản đồ số 38, diện tích 101,4 m^2), thuộc địa phận thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, mang tên ông Trương Văn H, là tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Trương Văn H.

[2.3] Xét về thực hiện quyền của chủ sử dụng đất: Ông Trương Văn Hlà chủ sử dụng đất hợp pháp, thực hiện đúng quyền của chủ sử dụng đất theo quy định khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2014; Điều 457, 459 BLDS 2015 về tặng cho tài sản. Hợp đồng tặng cho tài sản đối với thửa đất số 40 tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 giữa ông Trương Văn H và anh Trương Văn Th đã có hiệu lực pháp luật. Hợp đồng tặng cho tài sản đối với quyền sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 giữa ông Trương Văn H và chi họ Trương V ở thôn N, xã H, do anh Trương Văn Th, con trai đầu của ông Trương Văn H, là tộc trưởng chi họ làm đại diện chưa hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trên thực tế đã được thực hiện. Nếu phát sinh tranh chấp chỉ có những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Văn H mới được quyền khiếu nại, khởi kiện, các anh em ruột của ông Trương Văn H thuộc hàng thừa kế thứ hai nên không có quyền tranh chấp khi ông Trương Văn H có các con đẻ thuộc hàng thừa kế thứ nhất như án sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ.

Chi họ Trương V, thôn N, xã H, được ông Trương Văn H hiến tặng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, diện tích 101,4 m^2, thực tế sử dụng 108,5m^2, mặc dù các bên không làm hợp đồng tặng cho và các thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trên thực tế việc hiến tặng đã hoàn thành về mặt nội dụng, bên hiến tặng đã giao đất và tách thửa, bên nhận hiến tặng đã quản lý và sử dụng một phần xây nhà thờ; hàng thừa kế thứ nhất của người hiến tặng quyền sử dụng đất thừa nhận việc hiến tặng và thực hiện đúng với di nguyện của người để lại di sản. Do đó, căn cứ Điều 160 luật đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 207, Điều 211 BLDS 2015, HĐXX xác định: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, diện tích 101,4 m^2, là tài sản chung, thuộc quyền sử dụng chung của cộng đồng (chi họ Trương Văn ở thôn N, xã H), mục đích sử dụng là đất tín ngưỡng.

[2.4] Xét về lịch sử quá trình sử dụng đất:

Quá trình sử dụng thửa đất có gia đình ông Trương Văn H sử dụng đất liên tục, đã được nhà nước công nhận là chủ sử dụng đất, thể hiện trong hồ sơ quản lý đất đai 299; 371; bản đồ địa chính đo đạc năm 2012; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và đã được cấp đổi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông Trần Văn H bố mẹ của ông Trương Văn H và Trương Văn L có thời gian cùng sinh sống trên thửa đất đến khi chết, nhưng không được nhà nước công nhận là chủ sử dụng đất.

Mặc dù các bên không thống nhất thời điểm chi họ Trương V ở thôn N, xã H, xây nhà thờ, tuy nhiên phần diện tích đất đã xây dựng nhà thờ không phát sinh tranh chấp. Căn cứ bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 thể hiện thửa 42, tờ bản đồ 38, diện tích 101,4 m^2, đã được tách thành một thửa riêng. Do đó HĐXX xác định nhà thờ chi họ Trương V ở thôn N, xã H được xây dựng trước năm 2012 trên phần diện tích đất 53m^2 (cả nhà và sân); còn ngôi nhà và các công trình phía sau nhà thờ do anh em ruột ông Trương Văn L xây dựng vào năm 2020, là thời điểm các các bên phát sinh tranh chấp, trên tổng phần diện tích đất 55,5m^2 .

Do đó, cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn Th buộc ông Trương Văn L phải trả lại cho chi họ Trương V ở thôn N, xã H 55,5m^2 đất tại vị trí phía Bắc thửa 42, tờ bản đồ 38, bản đồ địa chính năm 2012, thuộc địa phận N, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh là có cơ sở. Do đó, bác kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là phù hợp, đúng pháp luật.

[2.5] Về xử lý tài sản gắn liền với phần diện tích đất buộc trả lại:

Ông Trương Văn L,xây dựng các công trình trên phần diện tích đất buộc phải trả lại 55,5m^2 là những công trình xây dựng kiên cố, quy hoạch, kết cấu xây dựng phù hợp với mục đích sử dụng của chi họ Trương V là sử dụng làm các công trình hậu cần phụ trợ phục vụ việc cúng tế ở nhà thờ phía trước. Trong ngôi nhà hiện tại đang đặt bàn thờ Liệt sỹ, do đó để không ảnh hưởng chất lượng phần ngôi nhà còn lại trên phần diện tích đất thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 38, HĐXX xử buộc ông Trương Văn L phải bàn giao lại phần công trình xây dựng trái phép trên phần

diện tích đất thuộc thửa 42, tờ bản đồ số 38, cho chi họ Trương V ở thôn N, xã H sử dụng, đồng thời buộc ông Trương Văn Th phải bồi thường lại trị giá tài sản gắn liền với đất, theo kết quả định giá là: Nhà ở 116.536.000đ : 40,3m^2 x 20,4m^2 = 58.990.000đ; sân láng xi măng: 20,3m2 x 100.000đ/m^2 = 2.630.000đ; tường rào: 9.544.600đ, tổng cộng: 71.164.600đ (Bảy mốt triệu một trăm sáu tư nghìn sáu trăm đồng). Đối với bàn thờ Liệt sỹ Trương Văn H, tạm thời tiếp tục đặt tại vị trí ngôi nhà đã bàn giao cho chi họ, chi họ Trương V, thôn N xã H có nghĩa vụ tạo điều kiện thuận lợi cho anh em ông Trương Văn L tiếp tục thờ cúng Liệt sỹ Trương Văn H đến khi ông Trương Văn L tự nguyện di dời di ảnh và bằng Tổ quốc ghi công của Liệt sỹ Trương Văn H về vị trí thờ cúng phù hợp. Tuy nhiên quá trình định giá tài sản cấp sơ thẩm không tiến hành định giá thực tế giao dịch,không tiến hành xác minh các bước giá giao dịch tại địa phương là không đúng quy định tại thông tư 02/2014 TTLT ngày 28/3/2014 của TAND Tối cao-VKSND Tối Cao và Bộ Tư pháp. Trên phần đất có tranh chấp có một số cây chưa định giá. Hội đồng định giá cấp phúc thẩm đã tiến hành định giá lại đúng quy định song phía nguyên đơn có đơn trình bày đối với bức tường nằm giữa hai gian nhà lợp tôn trên phần đất tranh chấp và một số cây cối nguyên đơn từ chối nhận khi các bên có tranh chấp.

[2.6] Về lệ phí thẩm định giá tại cấp phúc thẩm: Lệ phí định giá 3 triệu đồng cần buộc mỗi bên phải nộp 1.500.000đ lệ phí. Ông Trương văn Th đã nộp tạm ứng 3 triệu đồng nay buộc ông Trương Văn L phải giao lại cho ông Trương Văn Th 1500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)

Ông Trương Văn L, ông Trương Văn H, ông Trương Bá H thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Ông Trương Văn H, ông Trương Minh H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn L, ông Trương Văn H, ông Trương Bá H, ông Trương Văn H, ông Trương Minh H, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng khoản 2 Điều 690 BLDS 1995; khoản 2 Điều 207; Điều 211; Điều 457; Điều 459 BLDS 2015; Điều 160; khoản 1 Điều 166; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH và danh mục mức án phí, lệ phí toà án ban hành kèm theo, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn Th.

- Buộc ông Trương Văn L trả lại cho chi họ Trương V ở thôn N, xã H 55,5m^2 đất về phía Bắc thửa số 42, tờ bản đồ số 38, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, thuộc địa phận N, xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và bàn giao phần tài sản gắn liền với đất. Ranh giới là một đường thẳng, dài 12m; điểm đầu có tọa độ X

2034311.88; Y 539858.72; điểm cuối có tọa độ X 2034321.48; Y 539847.53 (Có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Buộc anh Trương Văn Th phải thanh toán trị giá tài sản gắn liền với đất cho ông Trương Văn L số tiền: 71.164.600đ (Bảy mốt triệu một trăm sáu tư nghìn sáu trăm đồng).

- Buộc anh Trương Văn Th và chi họ Trương V ở thôn N, xã H có nghĩa vụ tạo điều kiện thuận lợi cho anh em ông Trương Văn Luân tiếp tục thờ cúng Liệt sỹ Trương Văn H đến khi ông Trương Văn L tự nguyện di dời di ảnh và bằng Tổ quốc ghi công của Liệt sỹ Trương Văn H về vị trí thờ cúng phù hợp.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về lệ phí định giá cấp phúc thẩm: Buộc ông Trương Văn L và Trương Văn Th mỗi người phải nộp 1.500.000đ lệ phí. Ông Trương Văn Th đã tạm ứng số tiền 3 triệu đồng nay Buộc ông Trương Văn L phải giao lại cho ông Trương Văn Th 1500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Về án phí: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Ông Trương Văn L, ông Trương Văn H, ông Trương Bá H được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Ông Trương Văn H, ông Trương Minh H phải chịu án phí DSPT, đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012301, 0012302 cùng ngày 12/10/2011 tại Chi cục THADS huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
-VKSND tỉnh HT;
-Tòa án, THADS cấp sơ thẩm;
-Các đương sự;
-Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Lệ Thu